

Số: 1019 /QĐ-ĐHH

Thừa Thiên Huế, ngày 19 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Nghị định 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-ĐHH ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Huế, các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Xét đề nghị của Ông Quyền Trưởng Ban Đào tạo Đại học Huế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ tại Đại học Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chức năng có liên quan của Đại học Huế; Hiệu trưởng các trường đại học thành viên và Giám đốc các viện nghiên cứu có đào tạo trình độ tiến sĩ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.



Nguyễn Quang Linh

QUY ĐỊNH

Đào tạo trình độ tiến sĩ tại Đại học Huế

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1019 /QĐ-ĐHH ngày 19 tháng 9 năm 2017
của Giám đốc Đại học Huế)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định các hoạt động trong công tác tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, bao gồm: tuyển sinh; tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền của cá nhân và các đơn vị liên quan; luận án, đánh giá và bảo vệ luận án; thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án và cấp bằng tiến sĩ; khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với tất cả các trường đại học thành viên và viện nghiên cứu của Đại học Huế được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ (gọi chung là đơn vị đào tạo).

Hiệu trưởng các trường đại học thành viên, Giám đốc các viện nghiên cứu được gọi chung là Thủ trưởng đơn vị đào tạo.

2. Quy định này không áp dụng đối với các chương trình liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ giữa Đại học Huế hoặc giữa các đơn vị đào tạo với các cơ sở đào tạo của nước ngoài do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp bằng hoặc do hai bên cùng cấp bằng.

Điều 3. Cơ chế phân cấp quản lý và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ tại Đại học Huế

1. Đại học Huế chỉ đạo, điều hành thống nhất công tác đào tạo tiến sĩ theo cơ chế khuyến khích và phát huy tối đa tính liên thông, liên kết và hợp tác giữa các đơn vị đào tạo; phát huy lợi thế chuyên môn hóa, phân cấp quản lý cho các đơn vị đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị đào tạo; phối hợp sử dụng hiệu quả các nguồn lực chung phục vụ đào tạo tiến sĩ trong toàn Đại học Huế.

2. Các đơn vị đào tạo có nhiệm vụ tổ chức và quản lý đào tạo các ngành/chuyên ngành theo danh mục ngành/chuyên ngành đào tạo của Nhà nước và thí điểm đào tạo các ngành/chuyên ngành mới (khi được Đại học Huế cho phép) đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho miền Trung, Tây Nguyên và cả nước. Khuyến khích các đơn vị đào tạo tăng cường liên thông, liên kết trong việc xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, đặc biệt là các chương trình đào tạo mới có tính liên ngành để phát huy nguồn lực chung của Đại học Huế.

3. Căn cứ yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ và nhu cầu về nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, dựa vào quy hoạch ngành/chuyên ngành đã được phê duyệt, và trên cơ sở các điều kiện đảm bảo chất lượng, các đơn vị đào tạo chủ động hoặc phối hợp với các đơn vị đào tạo khác trong Đại học Huế điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo các ngành/chuyên ngành hiện có, xây dựng các ngành/chuyên

ngành mới, đề nghị Giám đốc Đại học Huế xem xét, phê duyệt và giao nhiệm vụ thực hiện đào tạo; Đại học Huế có trách nhiệm báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định phân cấp hiện hành.

4. Khuyến khích các đơn vị đào tạo triển khai hợp tác với các cơ sở sử dụng nghiên cứu sinh sau tốt nghiệp (cơ quan, đơn vị, viện nghiên cứu, trường đại học, trường cao đẳng, doanh nghiệp, các tổ chức...) nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, gắn đào tạo với nghiên cứu - triển khai sản xuất - kinh doanh đáp ứng yêu cầu xã hội.

5. Hàng năm, các đơn vị đào tạo báo cáo Đại học Huế về tình hình tổ chức, quản lý và kết quả đào tạo tiến sĩ.

Điều 4. Điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo tiến sĩ tại Đại học Huế

1. Nội dung đào tạo, phương pháp dạy - học, kiểm tra đánh giá và phương thức quản lý đào tạo phải phù hợp và đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu xã hội và khả năng thu hút các nguồn lực.

2. Ưu tiên đầu tư các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục trước khi mở rộng quy mô đào tạo.

3. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trên cơ sở gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

4. Tự đánh giá, đánh giá nội bộ và kiểm định chất lượng giáo dục là yêu cầu bắt buộc trong hoạt động đào tạo của Đại học Huế.

Điều 5. Chương trình đào tạo tiến sĩ

1. Ngành, chuyên ngành và chương trình đào tạo

a) Ngành đào tạo tiến sĩ tại Đại học Huế được xác định trên cơ sở ngành đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ đang triển khai.

b) Chuyên ngành đào tạo tiến sĩ được xác định theo danh mục chuyên ngành đào tạo tiến sĩ hiện hành của nhà nước hoặc đề xuất mới các chuyên ngành thí điểm (chưa có trong danh mục, được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép). Chuyên ngành mang tính đơn ngành được xác định phân nhánh từ một ngành và chuyên ngành mang tính liên ngành được xác định từ các ngành khác nhau.

c) Chương trình đào tạo tiến sĩ là hệ thống các học phần bổ sung, các học phần trình độ tiến sĩ và luận án được sắp xếp theo cấu trúc quy định, thể hiện mục tiêu đào tạo tiến sĩ phù hợp và đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, năng lực, kĩ năng, đạo đức nghề nghiệp, tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các nhân. Chương trình đào tạo quy định rõ hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi học phần, chuyên đề, tiểu luận, luận án.

2. Nguyên tắc chung xây dựng mới, điều chỉnh chương trình đào tạo tiến sĩ tại Đại học Huế

a) Chuyên ngành đáp ứng nhu cầu xã hội, được minh chứng qua điều tra khảo sát hoặc minh chứng thuyết phục về dự báo nhu cầu nhân lực trong tương lai gần.

b) Phù hợp với chiến lược phát triển Đại học Huế và đơn vị đào tạo, phù hợp với thế mạnh của đơn vị đào tạo; có vai trò tiên phong, dẫn dắt, phát triển và mang tính đặc thù.

c) Ưu tiên xây dựng các chương trình đào tạo có tính liên ngành, mới, phát huy thế mạnh của các đơn vị đào tạo; thúc đẩy liên thông, liên kết trong Đại học Huế; hợp tác với các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp và các cơ sở sử dụng nghiên cứu sinh sau tốt nghiệp.

d) Đối với chuyên ngành đào tạo chưa có trong Danh mục chuyên ngành đào tạo của nhà nước, đơn vị đào tạo phải trình bày luận cứ khoa học về chuyên ngành đào tạo mới đã được hội đồng khoa học đào tạo của đơn vị đào tạo thông qua; thuyết minh tính thực tiễn và kinh nghiệm đào tạo của một số nước trên thế giới, kèm theo chương trình đào tạo tham khảo của một số trường đại học ở nước ngoài.

d) Xây dựng chương trình đào tạo tiến sĩ theo yêu cầu chuẩn đầu ra và theo đúng quy định của Khung năng lực Quốc gia của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Huế về cấu trúc, lượng kiến thức, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp, khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm cá nhân của một chương trình đào tạo.

e) Phù hợp với các điều kiện đảm bảo chất lượng hiện có và khả năng bổ sung mới của Đại học Huế, của đơn vị đào tạo, thu hút và khai thác được nguồn lực của các cơ sở sử dụng nghiên cứu sinh sau tốt nghiệp, các nhà tài trợ, nguồn vốn ngoài ngân sách và các khả năng xã hội hóa khác.

g) Phát huy được hiệu quả hợp tác quốc tế để hoàn thiện chương trình đào tạo và phương thức tổ chức, quản lý đào tạo, nâng cao trình độ giảng viên, hướng đến chuẩn quốc tế về nội dung, phương pháp, mô hình đào tạo và hệ thống văn bằng.

3. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ do các Tiểu ban chuyên môn xây dựng, đơn vị đào tạo ban hành theo quy định hiện hành sau khi được Hội đồng thẩm định cấp Đại học Huế thẩm định, cần đáp ứng các điều kiện sau:

a) Khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và tối thiểu 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học;

b) Chuẩn đầu ra bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt Bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Khung trình độ quốc gia).

4. Kết cấu chương trình đào tạo bao gồm: các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ và luận án tiến sĩ.

5. Các học phần bổ sung nhằm hỗ trợ nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu.

a) Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ: căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu, Thủ trưởng đơn vị đào tạo xác định số học phần và khối lượng tín chỉ nghiên cứu sinh cần phải học bổ sung.

b) Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc chuyên ngành tương ứng, trừ các học phần ngoại ngữ và luận văn; có khối lượng kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ để đảm bảo nghiên cứu sinh đạt chuẩn đầu ra Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu.

c) Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ nhưng ở chuyên ngành gần với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, hoặc có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành nhưng tốt nghiệp trên 5 năm hoặc do cơ sở đào tạo khác cấp thì trên cơ sở đối chiếu với chương trình đào tạo hiện tại, đơn vị đào tạo yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung các học phần cần thiết theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu, cùng với các khóa đào tạo thạc sĩ cùng chuyên ngành đang đào tạo tại các đơn vị.

d) Trong trường hợp cần thiết, nếu chương trình đào tạo trình độ đại học của

nghiên cứu sinh còn thiếu những học phần có vai trò quan trọng cho việc đào tạo trình độ tiến sĩ, đơn vị đào tạo có thể yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung một số học phần ở trình độ đại học, cùng với các khóa sinh viên đại học đang được đào tạo tại các đơn vị đào tạo.

6. Các học phần ở trình độ tiến sĩ (bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn) nhằm nâng cao trình độ lý luận chuyên ngành, phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu, trong đó:

a) Tiểu luận tổng quan yêu cầu nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

b) Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

c) Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 06 học phần đến 09 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng từ 14 tín chỉ đến 20 tín chỉ, trong đó tiểu luận tổng quan và 02 hoặc 03 chuyên đề tiến sĩ do thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định là những học phần bắt buộc.

7. Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

8. Đơn vị đào tạo được sử dụng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 36 Luật Giáo dục đại học.

9. Ngôn ngữ chính thức dùng trong đào tạo trình độ tiến sĩ là tiếng Việt. Việc đào tạo tiến sĩ bằng ngôn ngữ nước ngoài theo chương trình đào tạo tiến sĩ của các đơn vị đào tạo ban hành do Giám đốc Đại học Huế quyết định khi đủ các điều kiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Đại học Huế.

Chương II **TUYỂN SINH**

Điều 6. Phương thức và thời gian tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh tại Đại học Huế là xét tuyển.

2. Mỗi năm, tùy theo nhu cầu và chỉ tiêu tuyển sinh, Đại học Huế tổ chức từ một đến hai kỳ xét tuyển nghiên cứu sinh.

3. Giám đốc Đại học Huế căn cứ vào quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định liên quan chịu trách nhiệm xây dựng đề án tuyển sinh (tham khảo mẫu tại Phụ lục I), đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin về phương thức tuyển sinh, thời gian tổ chức tuyển sinh, các điều kiện đảm bảo chất lượng và những thông tin cần thiết khác.

Điều 7. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ. Nếu bằng tốt nghiệp được cơ sở đào tạo nước ngoài cấp thì phải được thẩm định bởi của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

3. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại Điểm a Khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại Điểm b Khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (quy định tại Phụ lục II) theo quy định tại Điểm c Khoản này phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

đ) Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ ngành ngôn ngữ Anh phải có chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (quy định tại Phụ lục II) theo quy định tại Điểm c Khoản này; hoặc đáp ứng quy định tại Điểm a Khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại Điểm b Khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh.

4. Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định cụ thể của đơn vị đào tạo.

5. Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm quản lý và thâm niên công tác theo yêu cầu cụ thể của từng chuyên ngành dự tuyển.

Điều 8. Hồ sơ dự tuyển

1. Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

a) Đơn xin dự tuyển;

b) Lý lịch khoa học;

c) Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Nếu văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp thì phải được thẩm định bởi Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Quy định này và thâm niên công tác (nếu có);

đ) Đề cương nghiên cứu (tham khảo tại Phụ lục VIII);

e) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng nghiên cứu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu;

g) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);

h) Các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của cơ sở đào tạo.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Điều 9. Thông báo tuyển sinh

1. Vào đầu tháng 12 năm trước và đầu tháng 6 hằng năm, các đơn vị đào tạo báo cáo tình hình đào tạo, nhu cầu về chỉ tiêu tuyển sinh cho Đại học Huế. Căn cứ vào điều kiện, khả năng và nhu cầu về chỉ tiêu của các đơn vị đào tạo, Đại học Huế sẽ ra thông báo tuyển sinh chậm nhất 03 tháng trước mỗi kỳ tuyển sinh.

2. Thông báo tuyển sinh được niêm yết tại Đại học Huế và đơn vị đào tạo, đăng trên trang thông tin điện tử của Đại học Huế, của các đơn vị đào tạo và trên các phương tiện thông tin đại chúng khác, trong đó nêu rõ:

a) Điều kiện dự tuyển;

b) Chỉ tiêu tuyển sinh theo từng ngành đào tạo do Giám đốc Đại học Huế quyết định, căn cứ tổng chỉ tiêu tuyển sinh của Đại học Huế và trên cơ sở năng lực chuyên môn, yêu cầu nghiên cứu, cơ sở vật chất... của từng chuyên ngành;

c) Danh mục ngành phù hợp được xét tuyển đối với từng ngành đào tạo trình độ tiến sĩ; danh sách người hướng dẫn đáp ứng quy định tại Điều 13 của Quy định này;

d) Kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học;

đ) Hồ sơ dự tuyển theo quy định tại Điều 8 của Quy định này và thời gian nhận hồ sơ, lệ phí dự tuyển;

e) Các yêu cầu và thông tin cần thiết khác.

Điều 10. Tổ chức tuyển sinh và công nhận nghiên cứu sinh

1. Hội đồng tuyển sinh

a) Giám đốc Đại học Huế ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên thường trực và các ủy viên.

- Chủ tịch: Giám đốc Đại học Huế hoặc Phó Giám đốc được Giám đốc Đại học Huế uỷ quyền.

- Phó chủ tịch: Phó Giám đốc Đại học Huế.

- Ủy viên thường trực: Trưởng hoặc Phó trưởng Ban Đào tạo - Đại học Huế.

- Các ủy viên: Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng đơn vị đào tạo có thí sinh đăng ký dự tuyển, Trưởng hoặc Phó trưởng các ban chức năng có liên quan của Đại học Huế.

Những người có người thân (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột) dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng.

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh gồm: thông báo tuyển sinh; tiếp nhận hồ sơ dự tuyển; tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển; tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật; báo cáo kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

- Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh quy định tại Chương II của Quy định này;

- Quyết định và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Đại học Huế toàn bộ các công tác liên quan đến tuyển sinh theo quy định tại Chương II của Quy định này; đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch, có trách nhiệm trước xã hội, chọn được thí sinh có động lực, năng lực, triển vọng nghiên cứu và khả năng hoàn thành tốt đề tài

nghiên cứu, theo kế hoạch chỉ tiêu đào tạo và các hướng nghiên cứu của Đại học Huế;

- Quyết định thành lập các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh. Các ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

2. Ban tuyển sinh

Ban tuyển sinh được thành lập tại các đơn vị đào tạo có chức năng tham mưu cho Hội đồng tuyển sinh trong việc xét tuyển nghiên cứu sinh.

Ban tuyển sinh gồm 5 hoặc 7 thành viên, trong đó Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo làm Trưởng ban, Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học làm Ủy viên thường trực; các ủy viên do thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định.

3. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh

a) Thành phần Ban Thư ký gồm: Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm và các ủy viên.

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký:

- Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển; thu lệ phí dự tuyển;
- Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh;
- Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các tiểu ban chuyên môn, tổng hợp trình Hội đồng tuyển sinh xem xét;
- Gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho tất cả các thí sinh dự tuyển.
- Quản lý các văn bản, giấy tờ liên quan đến công tác xét tuyển nghiên cứu sinh.

c) Trách nhiệm của Trưởng ban Thư ký: Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban Thư ký.

4. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh

a) Căn cứ hồ sơ dự tuyển, chuyên ngành và hướng nghiên cứu của các thí sinh, Thủ trưởng đơn vị đào tạo có chuyên ngành tuyển sinh đề xuất các tiểu ban chuyên môn và thành viên của từng tiểu ban trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.

b) Tiểu ban chuyên môn có 05 hoặc 07 người có trình độ tiến sĩ trở lên (nếu tiến sĩ thì phải có tối thiểu 3 năm công tác trong lĩnh vực kể từ khi có quyết định cấp bằng), am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh, là cán bộ khoa học, giảng viên trong hoặc ngoài Đại học Huế do Giám đốc Đại học Huế mời (nếu cần) và người dự kiến hướng dẫn nếu thí sinh trúng tuyển. Thành phần Tiểu ban chuyên môn gồm có Trưởng tiểu ban, thư ký và các thành viên.

c) Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển, đề cương nghiên cứu và việc trình bày, trao đổi xung quanh đề cương nghiên cứu của thí sinh, xếp loại các thí sinh trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên hoặc không trúng tuyển; gửi kết quả về Ban Thư ký tổng hợp báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

5. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh

a) Thư ký của tiểu ban chuyên môn đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển, kết luận thí sinh thuộc chuyên ngành đúng, chuyên ngành phù hợp hay chuyên ngành gần; kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng đề cương nghiên cứu; ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong thư giới thiệu.

b) Thí sinh trình bày về vấn đề dự định nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước tiểu ban chuyên môn. Vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh phải phù hợp với các lĩnh

ực, hướng nghiên cứu mà đơn vị chuyên môn đang thực hiện, có người đủ tiêu chuẩn theo quy định đồng ý nhận hướng dẫn. Các thành viên tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá thí sinh về các mặt: tính cách, trí tuệ, sự rõ ràng về ý tưởng đối với các mong muốn đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ, tính khả thi trong kế hoạch để đạt những mong muốn đó và những tư chất cần có của một nghiên cứu sinh. Tiểu ban chuyên môn phải có văn bản nhận xét, đánh giá phân loại thí sinh về các nội dung này.

c) Căn cứ các yêu cầu đánh giá, tiểu ban chuyên môn tiến hành đánh giá từng ứng viên theo thang điểm, tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, lập danh sách thí sinh xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về Ban Thư ký.

Sau đây là thang điểm đánh giá người dự tuyển:

+ Kết quả học tập ở bậc cử nhân hoặc thạc sĩ (chỉ lấy cấp đào tạo cao nhất theo thang điểm 20, cử nhân: điểm trung bình chung học tập nhân 2, thạc sĩ: điểm trung bình chung học tập cộng điểm luận văn). Những ứng viên nào không xuất trình được minh chứng ở phần liên quan về điểm thì sẽ phải chấp nhận lấy điểm 5 phần đó. Đối với các điểm cho theo hình thức điểm chữ thì sẽ quy ước: điểm A+: 10, A: 9, B+: 8, B: 7, C+: 6, C: 5, D+: 4, D: 3, F: 0 - 2.

+ Thành tích nghiên cứu khoa học: Tổng số điểm (sau khi đã chia trên số lượng đồng tác giả) các bài báo theo danh mục của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước sau khi đã nhân 10, giải thưởng khoa học: cấp quốc tế (20 điểm), cấp quốc gia hoặc cấp bộ (10 điểm), cấp tỉnh hoặc cấp đại học (5 điểm).

+ Đề cương (thang điểm 50), kết quả trình bày và bảo vệ đề cương (thang điểm 50).

+ Hoạt động chuyên môn (căn cứ vào số năm kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn gắn liền với chuyên ngành dự tuyển, mỗi năm 2 điểm).

+ Ý kiến nhận xét, đánh giá và mức độ ủng hộ của thư giới thiệu (theo thang điểm 10/1 thư giới thiệu: không giới thiệu: điểm 0, giới thiệu: điểm 5, giới thiệu với sự ủng hộ cao: điểm 10).

d) Ban thư ký có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh quy định nguyên tắc xét tuyển và xác định danh sách thí sinh trúng tuyển, căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đã được Giám đốc Đại học Huế quyết định cho từng chuyên ngành đào tạo và kết quả xếp loại các thí sinh, trình Giám đốc Đại học Huế phê duyệt.

Trong khoảng thời gian 30 ngày sau khi ký quyết định trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh tổng hợp kết quả trúng tuyển và báo cáo với Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Triệu tập thí sinh trúng tuyển

a) Căn cứ danh sách thí sinh trúng tuyển và biên bản xét tuyển nghiên cứu sinh của các tiểu ban chuyên môn, Giám đốc Đại học Huế ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh. Thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định giao đề tài, cử người hướng dẫn theo đề nghị của tiểu ban xét tuyển sau khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

b) Đại học Huế làm giấy báo trúng tuyển giao cho các đơn vị đào tạo gửi các thí sinh trúng tuyển đến đăng ký nhập học chính thức. Đơn vị đào tạo có thể kèm theo thông báo các hướng dẫn chi tiết về vấn đề nhập học của học viên.

c) Thủ trưởng đơn vị đào tạo thành lập Hội đồng bảo vệ đề cương chi tiết và triệu tập học viên đến để bảo vệ đề cương chi tiết. Hội đồng có nhiệm vụ đánh giá đề cương chi tiết, thông qua tên đề tài chính thức và danh sách tập thể hướng dẫn. Đơn vị đào tạo cần quy định rõ về đề cương chi tiết nghiên cứu trong quy định riêng của mình. Thủ

trường đơn vị đào tạo sẽ ra quyết định điều chỉnh tên đề tài, thay đổi người hướng dẫn... (nếu có) và báo cáo Đại học Huế danh sách chính thức tên đề tài, thay đổi người hướng dẫn của từng nghiên cứu sinh. Công việc này thực hiện trong thời gian 6 tháng sau khi có quyết định trúng tuyển. Nếu học viên bảo vệ đề cương chi tiết không đạt yêu cầu thì cho phép bảo vệ lần thứ hai. Nếu lần thứ hai học viên bảo vệ đề cương chi tiết vẫn không đạt yêu cầu, đơn vị đào tạo làm công văn gửi Giám đốc Đại học Huế ra quyết định hủy bỏ tên trong danh sách nghiên cứu sinh.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 11. Tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo

1. Căn cứ quy định tại Khoản 2, Điều 37 Luật Giáo dục đại học, Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định chi tiết việc tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ đảm bảo tuân thủ các quy định của Quy định này và các quy định liên quan khác.

2. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ:

a) Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ là 3 năm tập trung liên tục; đối với người có bằng tốt nghiệp đại học là 4 năm tập trung liên tục. Thời gian đào tạo bắt đầu được tính kể từ khi có quyết định công nhận trúng tuyển nghiên cứu sinh.

b) Trường hợp nghiên cứu sinh không theo học tập trung liên tục được thì chương trình đào tạo và nghiên cứu của nghiên cứu sinh phải có tổng thời gian học và nghiên cứu như Điểm a Khoản này. Hình thức này gọi là tập trung không liên tục. Trong trường hợp này, nghiên cứu sinh phải có đơn và kế hoạch làm việc tại đơn vị chuyên môn, có ý kiến chấp nhận của người hướng dẫn và trường đơn vị chuyên môn, có xác nhận của trường, nơi nghiên cứu sinh thực hiện luận án. Việc này phải thực hiện trong vòng 6 tháng kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh của Giám đốc Đại học Huế.

c) Trong trường hợp đặc biệt, nghiên cứu sinh được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập theo quy định tại Khoản 7 Điều này.

3. Việc tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy, nghiên cứu sinh phải dành ít nhất 12 tháng theo học tập trung liên tục tại đơn vị đào tạo trong giai đoạn 24 tháng đầu, kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

4. Việc tổ chức dạy và học các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ phải được triển khai tại đơn vị đào tạo, nơi nghiên cứu sinh đang theo học. Trong trường hợp đơn vị đào tạo không đào tạo chương trình có học phần cần bổ sung cho nghiên cứu sinh thì gửi nghiên cứu sinh theo học ở các cơ sở đào tạo khác đã được phép đào tạo chương trình có học phần này theo thỏa thuận giữa đơn vị đào tạo với các cơ sở đào tạo này.

5. Nghiên cứu khoa học là bắt buộc trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ, thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian quy định tại Khoản 2 Điều này.

6. Những thay đổi trong quá trình đào tạo:

a) Việc thay đổi đề tài luận án được thực hiện trong nửa đầu thời gian đào tạo và nghiên cứu sinh, người hướng dẫn phải đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo quy định tại Khoản 3, Điều 5 của Quy định này, trong thời gian quy định tại các Điểm a, b và c, Khoản 7 Điều này;

b) Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn được thực hiện chậm nhất trước

12 tháng tính đến ngày kết thúc khóa học theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Việc chuyển cơ sở đào tạo được xem xét trong trường hợp thời hạn học tập của nghiên cứu sinh còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh và cơ sở chuyển đến đang triển khai đào tạo ngành tương ứng ở trình độ tiến sĩ. Sau khi có quyết định cho phép chuyển đi của Giám đốc Đại học Huế, thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh với thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh của Đại học Huế (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có). Việc công nhận kết quả học tập đã tích lũy và các học phần mà nghiên cứu sinh cần bổ sung (nếu có) do thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến quyết định.

Trường hợp nghiên cứu sinh từ các cơ sở đào tạo khác chuyển đến các đơn vị đào tạo trong Đại học Huế thì phải có quyết định tiếp nhận của Giám đốc Đại học Huế.

7. Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, gia hạn và rút ngắn thời gian học tập:

a) Nghiên cứu sinh được xác định hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu luận án đã được Hội đồng đánh giá cấp Đại học Huế thông qua trong thời gian quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này;

b) Trong trường hợp nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định thì chậm nhất 6 tháng trước khi hết hạn, nghiên cứu sinh phải làm đơn xin phép gia hạn học tập, có ý kiến của đơn vị cử đi học (nếu có). Việc gia hạn học tập chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng với các điều kiện đảm bảo trong phạm vi thời gian gia hạn nghiên cứu sinh hoàn thành được nhiệm vụ học tập, nghiên cứu. Thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định cho học viên gia hạn. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh khi gia hạn theo thông báo của trường. Thời gian gia hạn không quá 24 tháng. Trong thời gian gia hạn, nghiên cứu sinh phải theo học tập trung liên tục tại đơn vị đào tạo.

Hết thời gian gia hạn, nếu luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế (bao gồm cả trường hợp cho phép đánh giá lại theo quy định tại Điều 24 của Quy định này) thì Thủ trưởng đơn vị đào tạo báo cáo để Giám đốc Đại học Huế quyết định cho nghiên cứu sinh thôi học. Kết quả học tập của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

c) Giám đốc Đại học Huế xem xét, quyết định cho phép nghiên cứu sinh được rút ngắn thời gian học tập nếu nghiên cứu sinh hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo theo quy định của Quy định này.

Chương IV

TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ, QUYỀN CỦA CÁC CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 12. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Tiêu chuẩn giảng viên:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên

hoặc đã và đang tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp bộ trở lên;

d) Là tác giả chính tối thiểu 02 bài báo hoặc công bố khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành.

2. Giảng viên thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học và các quy định liên quan.

Điều 13. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Tiêu chuẩn người hướng dẫn độc lập:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 03 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ;

c) Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên;

d) Là tác giả chính tối thiểu 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí của cơ sở dữ liệu ISI Thomson Reuters hoặc của cơ sở dữ liệu Scopus - Elsevier (sau đây gọi chung là danh mục các tạp chí ISI - Scopus) hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành; hoặc là tác giả chính của tối thiểu 02 báo cáo bằng tiếng nước ngoài đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

đ) Trường hợp chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, ngoài việc phải đáp ứng quy định tại Điểm d Khoản này phải là tác giả chính của thêm 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI - Scopus;

e) Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;

g) Người hướng dẫn độc lập phải là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của đơn vị đào tạo, của Đại học Huế hoặc là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với đơn vị đào tạo hoặc với Đại học Huế.

2. Mỗi nghiên cứu sinh có tối đa 02 người hướng dẫn, trong đó:

a) Người hướng dẫn chính phải có đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Người hướng dẫn phụ phải có các tiêu chuẩn tối thiểu quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 1 Điều này;

c) Ít nhất phải có một người là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của đơn vị đào tạo hoặc của Đại học Huế.

3. Nhiệm vụ và quyền của người hướng dẫn:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học;

b) Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 04 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 03 nghiên cứu sinh;

c) Không được hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh mới nếu trong vòng 06 năm (72 tháng) tính đến thời điểm được giao nhiệm vụ có 02 nghiên cứu sinh có luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế thông qua, bao gồm cả việc đánh giá lại luận án quy định tại Điều 24 của Quy định này (nếu có);

d) Hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học;

đ) Thông qua luận án của nghiên cứu sinh, đề nghị đề luận án được đánh giá ở cấp cơ sở và tại Hội đồng cấp Đại học Huế nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 17 của Quy định này;

e) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền của nghiên cứu sinh

1. Trong quá trình đào tạo, nghiên cứu sinh là thành viên chính thức của đơn vị chuyên môn, có trách nhiệm báo cáo kế hoạch để thực hiện chương trình học tập, nghiên cứu và đề cương nghiên cứu với đơn vị chuyên môn.

2. Trong quá trình học tập và thực hiện đề tài luận án, nghiên cứu sinh phải thường xuyên gặp gỡ xin ý kiến và trao đổi chuyên môn với người hướng dẫn theo kế hoạch và lịch đã định; tham gia đầy đủ và có báo cáo chuyên đề tại các buổi sinh hoạt khoa học của đơn vị chuyên môn; viết báo cáo khoa học, viết và công bố ít nhất 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án theo yêu cầu tại Điểm b Khoản 1 Điều 18 của Quy định này; tham gia các sinh hoạt khoa học có liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu của mình ở trong và ngoài Đại học Huế; định kỳ báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu của mình với người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn theo lịch do đơn vị chuyên môn quy định, ít nhất 4 lần một năm. Trong trường hợp nghiên cứu sinh chậm tiến độ hoặc không tuân thủ kế hoạch của giáo viên hướng dẫn thì giáo viên hướng dẫn có thể làm đơn từ chối hướng dẫn nghiên cứu sinh gửi đơn vị đào tạo xem xét và đơn vị đào tạo sẽ trình Đại học Huế làm quyết định thôi học.

3. Trong quá trình học tập, nghiên cứu sinh phải dành thời gian tham gia vào các hoạt động chuyên môn, trợ giảng, nghiên cứu, hướng dẫn sinh viên thực tập hoặc nghiên cứu khoa học tại đơn vị đào tạo theo sự phân công của đơn vị chuyên môn.

4. Vào đầu mỗi năm học, nghiên cứu sinh phải nộp cho đơn vị chuyên môn báo cáo kết quả học tập và tiến độ nghiên cứu của mình bao gồm: những học phần, số tín chỉ đã hoàn thành; kết quả nghiên cứu, tình hình công bố kết quả nghiên cứu; đề cương nghiên cứu chi tiết, kế hoạch học tập, nghiên cứu trong năm học mới để đơn vị chuyên môn xem xét đánh giá.

5. Nghiên cứu sinh không được tìm hiểu hoặc tiếp xúc với phản biện độc lập, không được liên hệ hoặc gặp gỡ với các thành viên Hội đồng đánh giá luận án trước khi bảo vệ luận án; không được tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án như đưa hồ sơ luận án đến các thành viên Hội đồng; không được tiếp xúc để lấy các bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng, các nhà khoa học, các tổ chức khoa học.

6. Đóng học phí theo quy định.

7. Tôn trọng nhà giáo, cán bộ quản lý, công nhân viên của trường, của Đại học Huế, chấp hành pháp luật của Nhà nước, quy chế và nội quy của đơn vị đào tạo và Đại học Huế.

8. Giữ gìn và bảo vệ tài sản của đơn vị đào tạo, Đại học Huế.

9. Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền của đơn vị đào tạo, đơn vị chuyên môn

1. Đơn vị đào tạo: là đơn vị đào tạo thành viên của Đại học Huế được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ, có nhiệm vụ:

a) Đề xuất Đại học Huế chỉ tiêu và ban hành văn bản quy định về đào tạo tiến sĩ của đơn vị mình.

b) Gửi thông báo tuyển sinh của Đại học Huế đến các đơn vị và cá nhân liên quan, có thể gửi kèm công văn của đơn vị.

c) Thu nhận và thẩm định sơ bộ hồ sơ đăng ký dự tuyển và chuyển cho Hội đồng tuyển sinh Đại học Huế để tổ chức cho các Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh.

d) Gửi giấy báo trúng tuyển và quyết định giao đề tài, cử người hướng dẫn và thời gian đào tạo cho nghiên cứu sinh. Làm và gửi giấy báo nhập học.

đ) Tiếp nhận và bố trí nghiên cứu sinh về đơn vị chuyên môn.

e) Ra quyết định Hội đồng bảo vệ đề cương chi tiết cho từng nghiên cứu sinh.

g) Chỉ đạo nghiên cứu sinh xây dựng kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và hằng năm, theo dõi việc thực hiện các kế hoạch đó.

h) Quản lý hồ sơ, tiến độ và kết quả nghiên cứu, làm luận án của nghiên cứu sinh. Ra các quyết định liên quan đến quá trình học tập: thành lập các tiểu ban chấm và tổ chức chấm các học phần bổ sung, học phần tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan; cấp chứng chỉ các học phần, bảng điểm học tập cho nghiên cứu sinh.

i) Phê duyệt danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành do Tiểu ban chuyên ngành soạn thảo mà nghiên cứu sinh phải gửi công bố kết quả nghiên cứu của mình, phù hợp với quy định tại Khoản 7 Điều 17 của quy định này; hướng dẫn, liên hệ và hỗ trợ nghiên cứu sinh gửi công bố kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước.

k) Ra quyết định việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, kéo dài thời gian đào tạo; đề nghị Giám đốc Đại học Huế ra quyết định cho thôi học hoặc chuyển cơ sở đào tạo của nghiên cứu sinh.

l) Cung cấp thiết bị, vật tư, tư liệu và các điều kiện cần thiết khác đảm bảo cho việc học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh như đối với cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị đào tạo. Thu học phí và thanh toán các khoản: tiền thù lao hướng dẫn, tiền quản lý chuyên môn, kinh phí đi đọc tài liệu cho nghiên cứu sinh, kinh phí tổ chức bảo vệ luận án các cấp.

m) Có các biện pháp quản lý và thực hiện quản lý chặt chẽ nghiên cứu sinh trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu. Định kì 6 tháng một lần báo cáo Giám đốc Đại học Huế về tình hình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh; đồng thời gửi báo cáo này cho Thủ trưởng đơn vị công tác của nghiên cứu sinh (nếu có).

n) Xét duyệt hồ sơ, ra quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận án và tổ chức bảo vệ luận án cấp cơ sở. Tổ chức buổi bảo vệ luận án cấp Đại học Huế sau khi có quyết định của Giám đốc Đại học Huế. Đảm bảo đủ nhân lực có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ tốt để thực hiện các nhiệm vụ phục vụ việc bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh.

o) Vào tuần cuối của các tháng chẵn trong năm, báo cáo Đại học Huế danh sách trích ngang nghiên cứu sinh (kèm theo hồ sơ) đã hoàn thiện hồ sơ quá trình đào tạo và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá bảo vệ luận án cấp Đại học Huế trong 02 tháng trước đó (theo mẫu tại Phụ lục V). Hồ sơ bao gồm:

- Bản sao quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở;

- Bản sao biên bản và nghị quyết của tất cả các phiên họp của Hội đồng đánh giá

luận án các cấp;

- Trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

- Tóm tắt luận án.

p) Cấp giấy chứng nhận cho nghiên cứu sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo, đã bảo vệ luận án tiến sĩ trong thời gian thẩm định luận án; quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh;

q) Tự đánh giá và công bố công khai kết quả tự đánh giá chất lượng đào tạo tiến sĩ; đăng kí tham gia kiểm định chất lượng chương trình đào tạo tiến sĩ với Đại học Huế và các cơ quan có thẩm quyền khác; thực hiện đầy đủ các quy định về kiểm định chất lượng giáo dục đào tạo tiến sĩ;

r) Lưu trữ, bảo quản những tài liệu có liên quan đến tuyển sinh, đào tạo, cấp bằng tiến sĩ theo quy định hiện hành.

2. Đơn vị chuyên môn: là các bộ môn hoặc khoa trực tiếp tổ chức các hoạt động chuyên môn trong đào tạo và quản lý nghiên cứu sinh theo các quy định của đơn vị đào tạo và Đại học Huế, có nhiệm vụ:

a) Xem xét đề xuất của các tiểu ban chuyên ngành trước khi đề nghị Thủ trưởng đơn vị đào tạo trình Giám đốc Đại học Huế phê duyệt các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần bổ sung cần thiết ở trình độ đại học, thạc sĩ, các học phần trình độ tiến sĩ; kế hoạch đào tạo đối với từng nghiên cứu sinh; giám sát và kiểm tra việc thực hiện chương trình và kế hoạch đào tạo của nghiên cứu sinh.

b) Phân công hướng dẫn nghiên cứu sinh, bố trí cho nghiên cứu sinh theo học các môn học thuộc chương trình cao học đối với các đối tượng chưa có bằng Thạc sĩ (hoặc bằng Thạc sĩ không đúng chuyên ngành), tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật định kỳ để nghiên cứu sinh trình bày kết quả nghiên cứu.

c) Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ cho giảng viên và nghiên cứu sinh, ít nhất mỗi tháng một lần, để nghiên cứu sinh báo cáo chuyên đề và kết quả nghiên cứu; phân công nghiên cứu sinh giảng dạy; phân công hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, đưa sinh viên đi thực hành, thực tập.

d) Quy định lịch làm việc của nghiên cứu sinh với người hướng dẫn; lịch báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu trong năm học của nghiên cứu sinh (đảm bảo ít nhất 4 lần một năm), Tổ chức xem xét đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu; tinh thần, thái độ học tập của nghiên cứu sinh.

đ) Xét duyệt hồ sơ xin bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở (sau khi nghiên cứu sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo) và đề xuất với Thủ trưởng đơn vị đào tạo thành phần Hội đồng đánh giá luận án ở cấp cơ sở để Thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định.

e) Tổ chức đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt. Tạo điều kiện để nghiên cứu sinh được đi thực tập, tham gia hội nghị khoa học quốc tế. Tất cả các văn bản gửi đến Đại học Huế liên quan từng nghiên cứu sinh đều phải có chữ ký của trưởng đơn vị chuyên môn trước khi thông qua đơn vị đào tạo.

g) Xây dựng và cập nhật hai năm một lần chương trình đào tạo nghiên cứu sinh của chuyên ngành, bao gồm: các học phần bổ sung cần thiết ở trình độ đại học, thạc sĩ, các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ sao cho phù hợp, thiết thực với quá trình đào tạo và thực hiện đề tài luận án của nghiên cứu sinh, trình Giám đốc Đại học Huế phê duyệt để đơn vị đào tạo ban hành.

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền của Đại học Huế

1. Xây dựng và ban hành quy định chi tiết của Đại học Huế về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quản lý nghiên cứu sinh, về luận án, bảo vệ luận án, cấp phó bằng tiến sĩ và các hoạt động liên quan đến quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ trên cơ sở của Quy định này.
2. Xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của Đại học Huế theo từng chuyên ngành đào tạo và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3. Thẩm định chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy do đơn vị đào tạo xây dựng đối với các chuyên ngành được phép đào tạo.
4. Thẩm định, phê duyệt hồ sơ đăng ký và ký quyết định cho phép các đơn vị đào tạo trong Đại học Huế mở ngành đào tạo tiến sĩ mới.
5. Tổ chức tuyển sinh hàng năm theo chỉ tiêu đã được xác định và theo quy định tại Chương II của Quy định này.
6. Ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh, cho phép thôi học, chuyển cơ sở đào tạo cho nghiên cứu sinh.
7. Thu nhận hồ sơ gửi phản biện độc lập, xử lý và gửi phản biện độc lập. Ra quyết định thành lập Hội đồng bảo vệ luận án cấp Đại học Huế.
8. Cấp phó bằng tiến sĩ và quản lý việc cấp bằng tiến sĩ theo quy định hiện hành.
9. Hợp tác quốc tế về đào tạo tiến sĩ theo quy định.
10. Công bố công khai, cập nhật và duy trì trên trang thông tin điện tử toàn văn luận án, tóm tắt luận án, những điểm mới của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) từ khi chuẩn bị bảo vệ; danh sách nghiên cứu sinh hàng năm; các đề tài nghiên cứu đang thực hiện; danh sách nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ.
11. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ bao gồm:
 - a) Báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình và kết quả tuyển sinh, các quyết định công nhận nghiên cứu sinh trúng tuyển sau khi kết thúc tuyển sinh đợt 2 hàng năm (theo mẫu tại Phụ lục III);
 - b) Tháng 12 hàng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo tiến sĩ của cơ sở, những thay đổi về nghiên cứu sinh trong năm, xác định chỉ tiêu và kế hoạch tuyển nghiên cứu sinh năm sau (theo mẫu tại Phụ lục IV);
 - c) Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách trích ngang nghiên cứu sinh đã hoàn thiện hồ sơ quá trình đào tạo và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá bảo vệ luận án cấp Đại học Huế trong 02 tháng trước đó (theo mẫu tại Phụ lục V);
 - d) Trước ngày 30/6 và 31/12 hàng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình cấp bằng tiến sĩ của Đại học Huế. Hồ sơ báo cáo gồm:
 - Báo cáo tổng quan tình hình cấp bằng tiến sĩ của Đại học Huế trong thời gian từ sau lần báo cáo trước;
 - Danh sách nghiên cứu sinh được cấp bằng;
 - Bản sao quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo và bảo vệ luận án đạt yêu cầu quy định;
 - Bản sao quyết định công nhận nghiên cứu sinh có tên trong danh sách cấp bằng;
 - đ) Lưu trữ, bảo quản những tài liệu có liên quan đến tuyển sinh, đào tạo, cấp bằng tiến sĩ theo quy định hiện hành.
12. Tổ chức kiểm tra, thanh tra các đơn vị đào tạo thực hiện Quy chế đào tạo trình

độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Đại học Huế trong đào tạo trình độ tiến sĩ, đồng thời chịu trách nhiệm về toàn bộ các hoạt động đào tạo trình độ tiến sĩ tại Đại học Huế.

13. Đăng ký kiểm định chất lượng đào tạo với cơ quan có thẩm quyền.

Chương V

LUẬN ÁN, ĐÁNH GIÁ VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

Điều 17. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Luận án tiến sĩ phải đáp ứng được những mục tiêu và yêu cầu quy định tại Khoản 7 Điều 5 của Quy định này. Luận án phải có những đóng góp mới về mặt học thuật, phải chứng tỏ tác giả đã đạt được những mục tiêu và yêu cầu về kiến thức và phương pháp nghiên cứu khoa học, có đóng góp mới có giá trị trong lĩnh vực khoa học chuyên ngành, thể hiện khả năng độc lập, sáng tạo nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh. Đóng góp mới có thể là: Những kết quả mới hay đề xuất mới có tác dụng bổ sung, phát triển hoặc làm phong phú thêm vốn kiến thức đã có của chuyên ngành; hay những ứng dụng sáng tạo và phát triển có cơ sở khoa học dựa trên các thành tựu khoa học đã có nhằm giải quyết những yêu cầu thiết thực của kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của ngành khoa học để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó đặt ra vấn đề mới, giả thuyết mới có ý nghĩa hoặc các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và chứng minh được bằng những tư liệu mới. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình. Khuyến khích nghiên cứu sinh viết và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh.

2. Luận án tiến sĩ tối thiểu 80 trang và tối đa 160 trang A4, không bao gồm phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Cấu trúc luận án tiến sĩ (tham khảo tại Phụ lục VI) bao gồm các phần và chương sau:

a) Phần mở đầu: giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;

b) Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;

c) Nội dung, kết quả nghiên cứu (một hoặc nhiều chương): trình bày cơ sở lý thuyết, lý luận và giả thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và bàn luận.

d) Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;

đ) Danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án;

e) Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án;

g) Phụ lục (nếu có).

3. Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

4. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình với đơn vị đào tạo các văn bản của các thành viên trong tập thể đó đồng ý cho phép nghiên cứu sinh sử dụng công

trình này trong luận án để bảo vệ lấy bằng tiến sĩ.

5. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ và rõ ràng.

6. Danh mục công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án và danh mục tài liệu tham khảo được trình bày theo thứ tự bảng chữ cái họ tên tác giả theo thông lệ quốc tế. Tài liệu tham khảo bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập trong luận án.

7. Nội dung chủ yếu và các kết quả nghiên cứu của luận án phải được báo cáo tại các hội nghị khoa học chuyên ngành; được công bố ít nhất trong hai bài báo trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI-Scopus hoặc công bố tối thiểu 02 báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện; và có ít nhất 01 bài báo được đăng hoặc nhận đăng trên tạp chí khoa học của Đại học Huế. Đối với nghiên cứu sinh ngành Y Dược phải có ít nhất 01 bài báo được đăng hoặc nhận đăng trên tạp chí Y Dược học của Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế.

8. Trong thời gian nghiên cứu sinh học tập tại Đại học Huế, các kết quả nghiên cứu khi công bố phải ghi địa chỉ: đơn vị đào tạo, Đại học Huế theo Quyết định số 389/QĐ-ĐHH ngày 27 tháng 4 năm 2017 về việc quy định tên gọi Tiếng Anh của Đại học Huế, các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc của Giám đốc Đại học Huế (ví dụ: Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, tên tiếng Anh ghi rõ: University of Education, Hue University). Các kết quả không ghi địa chỉ như trên sẽ không được công nhận là kết quả của luận án khi đưa ra bảo vệ.

Điều 18. Đánh giá luận án ở cấp cơ sở

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được đăng ký đánh giá luận án ở cấp cơ sở:

a) Đã hoàn thành các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ quy định tại các Khoản 5, 6 Điều 5 của Quy định này;

b) Đã công bố tối thiểu 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI-Scopus hoặc đã công bố tối thiểu 02 báo cáo bằng tiếng nước ngoài trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện;

Có ít nhất 01 bài báo được đăng hoặc nhận đăng trên tạp chí khoa học của Đại học Huế. Đối với nghiên cứu sinh ngành Y Dược phải có ít nhất 01 bài báo được đăng hoặc nhận đăng trên tạp chí Y Dược học của Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế.

c) Được tập thể hoặc người hướng dẫn nghiên cứu sinh đồng ý cho đăng ký đánh giá luận án ở cấp cơ sở.

d) Không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

2. Việc đánh giá luận án ở cấp cơ sở là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế; các thành viên của đơn vị chuyên môn, nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham gia (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật).

3. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định chi tiết việc đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn, quy trình và phương thức đánh giá, số lượng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ của những nhà khoa học được mời nhận xét luận án; đáp ứng các quy định sau:

a) Số lượng nhà khoa học được mời nhận xét luận án tối thiểu là 07 người có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp

với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; có sự tham gia của các nhà khoa học ở trong và ngoài Đại học Huế (có ít nhất 02 nhà khoa học ngoài Đại học Huế, khuyến khích giữ vai trò phản biện luận án). Khuyến khích mời các nhà khoa học giỏi là người nước ngoài hoặc là người Việt Nam ở nước ngoài giữ chức vụ phản biện luận án trong hội đồng. Các nhà khoa học tham gia đánh giá cấp cơ sở lần sau (nếu có) phải trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) với tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của nghiên cứu sinh; trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Đại học Huế;

b) Các thành viên Hội đồng không phải là người có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của nghiên cứu sinh; không là cán bộ cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh.

c) Người phản biện luận án phải am hiểu lĩnh vực nghiên cứu đề tài của luận án, đọc và có bản nhận xét về dự thảo luận án của nghiên cứu sinh. Bản nhận xét luận án cần nêu rõ:

- Ý nghĩa khoa học của đề tài luận án;
- Sự hợp lý và độ tin cậy của các phương pháp nghiên cứu;
- Đánh giá các kết quả đạt được, nêu lên những đóng góp mới và giá trị của những đóng góp đó;
- Những ưu điểm và thiếu sót, những điểm cần bổ sung và sửa chữa;
- Nhận xét về chất lượng của các bài báo khoa học đã được công bố của nghiên cứu sinh, khẳng định các bài báo đó chứa đựng những nội dung chủ yếu của luận án hay chưa;
- Kết luận của bản nhận xét phải khẳng định nội dung và hình thức của luận án có đáp ứng được yêu cầu một luận án tiến sĩ nêu ở Điều 17 của Quy định này và có đủ điều kiện để bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp Đại học Huế.

d) Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 15 ngày. Các thành viên Hội đồng phải đọc luận án và viết nhận xét trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án.

đ) Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- Vắng mặt từ 02 thành viên Hội đồng trở lên;

e) Sớm nhất là 25 ngày và chậm nhất là 03 tháng kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng tiến hành họp đánh giá luận án cho nghiên cứu sinh. Phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở là một buổi sinh hoạt khoa học của đơn vị chuyên môn, được tổ chức để các thành viên đơn vị chuyên môn và những người quan tâm có thể tham dự. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở tổ chức từ một đến nhiều phiên họp khi luận án vẫn còn những điểm cần sửa chữa, bổ sung. Các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở phải có nhận xét chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu nghiên cứu sinh sửa chữa, bổ sung.

g) Luận án chỉ được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Đại học Huế khi có tối thiểu ba phần tư (3/4) số nhà khoa học được mời nhận xét luận án ở lần đánh giá cuối cùng tán thành (ghi trong phiếu nhận xét luận án).

h) Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định về việc thay đổi thành viên Hội đồng chấm luận án trong trường hợp cần thiết vì lý do bất khả kháng (như thành viên Hội đồng đi công tác nước ngoài dài hạn, ốm nặng không thể tham gia Hội đồng, hoặc khi có thành viên Hội đồng không đảm bảo các điều kiện yêu cầu quy định...). Thời hạn quy định, các công việc liên quan đến các thành viên Hội đồng và việc tổ chức bảo vệ luận án được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở.

Thời điểm bảo vệ luận án cấp cơ sở được tổ chức sớm nhất 25 ngày sau khi có quyết định sửa đổi, bổ sung.

i) Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đề nghị danh sách các nhà khoa học có đủ điều kiện tham gia Hội đồng cấp Đại học Huế. Danh sách này có 20 nhà khoa học có bằng tiến sĩ trở lên trong 3 năm kể từ ngày cấp bằng, có cùng chuyên ngành hoặc ngành, trong đó ít nhất 10 nhà khoa học ở các cơ sở đào tạo và cơ quan khác ngoài Huế (cần cân đối giữa các trường đại học, vùng miền, đa dạng các tỉnh, thành phố), đủ điều kiện về sức khỏe (ưu tiên trong độ tuổi quy định của Nhà nước: GS dưới 70 tuổi, PGS dưới 67 tuổi, TS dưới 65 tuổi), có thời gian để tham gia Hội đồng. Chỉ giới thiệu không quá 3 nhà khoa học đã tham gia Hội đồng cấp cơ sở kể cả chủ tịch và thư ký, không giới thiệu các nhà khoa học có bài viết chung với nghiên cứu sinh. Danh sách này cần ghi rõ họ tên, học vị, chức danh, chuyên ngành, số điện thoại, email, nơi làm việc và địa chỉ của từng nhà khoa học.

k) Việc đánh giá luận án phải tập trung chủ yếu vào việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận án, đảm bảo sự chính xác, khách quan, khoa học, tranh thủ được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học trong việc xem xét đánh giá luận án của nghiên cứu sinh.

l) Không tổ chức bảo vệ luận án vào các ngày lễ và ngày chủ nhật.

Điều 19. Phản biện độc lập luận án

1. Trong thời gian 03 tháng kể từ khi bảo vệ luận án cấp cơ sở, nghiên cứu sinh phải hoàn chỉnh hồ sơ nộp Đại học Huế để gửi phản biện độc lập. Hồ sơ gồm:

a) Đơn xin bảo vệ luận án tiến sĩ cấp Đại học Huế;

b) Lý lịch khoa học;

c) Nếu luận án có các điểm cần bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở thì nghiên cứu sinh phải có văn bản giải trình cụ thể các điểm đã được bổ sung và sửa chữa vào trong luận án, có chữ ký của nghiên cứu sinh, người hướng dẫn, Chủ tịch hội đồng và các thành viên trong hội đồng có yêu cầu sửa chữa;

d) Bản trích yếu luận án: Nêu rõ mục đích, đối tượng nghiên cứu của luận án, các phương pháp đã sử dụng, những kết quả chính và kết quả;

đ) 03 quyển luận án đã được bổ sung, sửa chữa (01 quyển có đầy đủ thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn, đơn vị đào tạo, 02 quyển không có các thông tin trên); 03 quyển tóm tắt luận án (01 quyển có đầy đủ thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn, đơn vị đào tạo, 02 quyển không có các thông tin trên) và 03 bộ công trình khoa học có liên quan đến đề tài luận án (01 bộ có đầy đủ thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn, đơn vị đào tạo, 02 bộ không có các thông tin trên);

e) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả quy định tại Khoản 4 Điều 17 Quy định này (nếu có);

g) Danh sách giới thiệu 20 người nhà khoa học có đủ điều kiện tham gia Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp Đại học Huế quy định tại Điểm i Khoản 3 Điều 18 Quy định này;

h) Văn bản của đơn vị đào tạo đề nghị cho phép nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án ở Hội đồng cấp Đại học Huế;

i) Bảng điểm các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan;

k) Quyết định công nhận nghiên cứu sinh và minh chứng những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có), quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở;

l) Biên bản họp Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở;

m) Chứng chỉ ngoại ngữ;

n) Những tài liệu khác theo quy định của đơn vị đào tạo;

Nghiên cứu sinh có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu theo quy định tại Điểm a, b, c, d, đ, e Khoản 1 Điều này; các tài liệu còn lại do đơn vị đào tạo tập hợp.

o) Nếu quá thời hạn 3 tháng kể từ ngày họp Hội đồng cấp cơ sở nhưng nghiên cứu sinh vẫn chưa hoàn thiện hồ sơ gửi phản biện độc lập, Hội đồng sẽ phải họp lại để xem xét ý nghĩa khoa học, tính thời sự của đề tài luận án.

Luận án của nghiên cứu sinh được gửi lấy ý kiến của 02 phản biện độc lập trước khi được đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế.

2. Phản biện độc lập là những nhà khoa học, chuyên gia ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài; có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu của luận án; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột với nghiên cứu sinh; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ nghiên cứu sinh và người hướng dẫn trong quá trình hoàn thiện luận án.

3. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của Đại học Huế. Đơn vị đào tạo, đơn vị chuyên môn, người hướng dẫn và nghiên cứu sinh không được tìm hiểu về phản biện độc lập. Các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phản biện luận án hay khi tham gia vào Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế.

4. Khi cả hai phản biện độc lập tán thành luận án, Giám đốc Đại học Huế ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế cho nghiên cứu sinh. Khi có một phản biện độc lập không tán thành luận án, Giám đốc Đại học Huế gửi luận án xin ý kiến của phản biện độc lập thứ ba. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án thì luận án được đưa ra bảo vệ cấp Đại học Huế.

5. Luận án bị trả về để đánh giá lại ở cấp cơ sở nếu cả hai phản biện độc lập đầu tiên không tán thành luận án, hoặc phản biện thứ ba không tán thành khi luận án phải lấy ý kiến của phản biện thứ ba. Trường hợp này, luận án phải được tổ chức bảo vệ lại ở cấp cơ sở. Nghiên cứu sinh chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị bảo vệ sớm nhất sau sáu tháng và muộn nhất là hai năm kể từ ngày luận án bị trả lại. Luận án sau khi sửa chữa phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập lần đầu.

6. Giám đốc Đại học Huế quy định chi tiết tiêu chuẩn đối với phản biện độc lập; trình tự, quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập; yêu cầu về trách nhiệm bảo mật đối với cán bộ, công chức, người phản biện và đối với thông tin, tài liệu liên quan đến phản biện độc lập theo quy định hiện hành.

7. Toàn bộ kinh phí tổ chức bảo vệ lại ở Hội đồng cấp cơ sở theo Điểm o, Khoản 1 và Khoản 5 Điều này sẽ do nghiên cứu sinh chi trả.

Điều 20. Điều kiện và hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án

cấp Đại học Huế:

a) Luận án của nghiên cứu sinh được Hội đồng đánh giá cấp cơ sở và đơn vị đào tạo đề nghị được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế;

b) Luận án của nghiên cứu sinh được các phản biện độc lập quy định tại Điều 19 của Quy định này tán thành;

c) Nghiên cứu sinh không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

2. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế:

a) Toàn văn luận án;

b) Tóm tắt luận án;

c) Trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

d) Đĩa CD (có cam kết) gồm các file ở Điểm a, b, c Khoản 2 Điều này;

đ) Bản công trình khoa học mới nhất;

e) Trích yếu luận án;

g) Bản nhận xét của 02 phản biện độc lập;

h) Những tài liệu khác theo quy định của Đại học Huế.

3. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu theo quy định tại Điểm a, b, c, d, đ, e Khoản 2 Điều này; Ban Đào tạo có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu theo quy định tại điểm g.

Điều 21. Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế

1. Giám đốc Đại học Huế ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế, quy định chi tiết về tiêu chuẩn và nhiệm vụ đối với từng thành viên trong Hội đồng theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4, 5 Điều này.

2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

c) Có công trình nghiên cứu, có uy tín và kinh nghiệm hoạt động nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; người phản biện phải có tối thiểu 02 bài báo hoặc báo cáo khoa học, trong đó có ít nhất 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc 01 báo cáo bằng tiếng nước ngoài trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện.

3. Số lượng thành viên Hội đồng:

a) Hội đồng gồm 07 thành viên; trong đó số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư tối thiểu là 05 người; số thành viên đã tham gia đánh giá luận án ở cấp cơ sở tối đa không quá 03 người; số thành viên là cán bộ của Đại học Huế tối đa không quá 03 người;

b) Giám đốc Đại học Huế quyết định số lượng giáo sư, phó giáo sư, số lượng thành viên là cán bộ của Đại học Huế trong trường hợp tổ chức đánh giá luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh các ngành đang triển khai đào tạo thí điểm tại Đại học Huế.

4. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 03 phản biện và các ủy viên; chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với đề tài luận án của nghiên cứu sinh; các phản biện phải công tác tại các đơn vị khác nhau, không là cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh, không được là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án, không sinh hoạt trong cùng đơn vị chuyên môn

với nghiên cứu sinh; đại diện tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể được mời tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên.

5. Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột của nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế.

Điều 22. Đánh giá luận án ở cấp Đại học Huế

1. Giám đốc Đại học Huế quy định thời hạn, điều kiện, trình tự, thủ tục tổ chức buổi đánh giá luận án ở cấp Đại học Huế đảm bảo những quy định sau:

a) Luận án phải được đánh giá công khai trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 23 của Quy định này;

b) Thời gian, địa điểm tổ chức đánh giá luận án, tóm tắt và toàn văn luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng Việt và tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Đại học Huế và của đơn vị đào tạo chậm nhất 20 ngày trước ngày bảo vệ trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 23 của Quy định này;

c) Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án bằng văn bản gửi đến đơn vị đào tạo 15 ngày trước khi đơn vị đào tạo tổ chức bảo vệ luận án cho của nghiên cứu sinh;

d) Không tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- Vắng mặt chủ tịch Hội đồng;
- Vắng mặt thư ký Hội đồng;
- Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- Vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên.

đ) Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu (tán thành hoặc không tán thành), luận án không được thông qua nếu có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi bảo vệ trở lên bỏ phiếu không tán thành;

e) Hội đồng phải có quyết nghị về luận án, trong đó nêu rõ: kết quả đánh giá luận án của các thành viên Hội đồng; những đóng góp mới của luận án về lý luận và thực tiễn; những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án; tính trung thực của kết quả nghiên cứu; kết luận của Hội đồng về việc không thông qua luận án và lý do hoặc thông qua luận án (bao gồm cả yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, nếu có), kiến nghị công nhận trình độ, cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh;

g) Biên bản buổi đánh giá luận án cấp Đại học Huế được toàn thể thành viên Hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký Hội đồng.

2. Trong trường hợp cần thiết (vì lý do khách quan hoặc do có thành viên đề nghị không tham gia Hội đồng), Giám đốc Đại học Huế quyết định về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế và thời hạn liên quan đến hoạt động của Hội đồng được tính từ ngày quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên có hiệu lực.

3. Sớm nhất là 40 ngày và chậm nhất là 03 tháng kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng tiến hành họp đánh giá luận án cho nghiên cứu sinh. Quá thời hạn này, Hội đồng tự giải tán.

4. Không tổ chức bảo vệ luận án cấp Đại học Huế vào các ngày lễ và ngày chủ nhật.

Điều 23. Đánh giá luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì Giám đốc Đại học Huế phải xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo căn cứ xác định tính chất mật của đề tài và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản.

2. Giám đốc Đại học Huế chịu trách nhiệm về các quy định bảo mật trong quá trình tổ chức đào tạo, nghiên cứu, thực hiện luận án, tổ chức đánh giá luận án, quản lý hồ sơ và tài liệu liên quan theo quy chế bảo mật của Nhà nước.

3. Nghiên cứu sinh thực hiện các luận án được xác định là mật quy định tại Khoản 1 Điều này không phải thực hiện quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều 18 và Điểm b, Khoản 1 Điều 22 của Quy định này.

4. Ngoài quy định tại Khoản 3 Điều này, nghiên cứu sinh thực hiện luận án theo chế độ mật phải đảm bảo tất cả các quy định khác của Quy định này.

Điều 24. Đánh giá lại luận án ở cấp Đại học Huế

1. Trong trường hợp luận án của nghiên cứu sinh chưa được Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế thông qua và đề nghị chỉnh sửa ở lần đánh giá thứ nhất, nghiên cứu sinh được phép sửa chữa luận án và nộp hồ sơ đề nghị được bảo vệ luận án lần thứ hai trong thời gian không quá 06 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế lần thứ hai phải có tối thiểu 05 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất nhưng không được vắng mặt thành viên Hội đồng có ý kiến không tán thành luận án.

3. Quy định chi tiết thời hạn, quy trình, thủ tục đối với việc đánh giá luận án ở cấp Đại học Huế lần thứ hai quy định tại Điều 20, 21, 22 của Quy định này.

4. Không tổ chức đánh giá lại luận án lần thứ ba.

5. Kinh phí tổ chức đánh giá lại luận án do nghiên cứu sinh tự túc chi trả.

Chương VI

THẨM ĐỊNH QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 25. Thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

Việc thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án được thực hiện bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo trong các trường hợp sau:

1. Thẩm định ngẫu nhiên tối đa 20% hồ sơ quá trình đào tạo, chất lượng luận án đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế thông qua trong báo cáo của đơn vị đào tạo quy định tại Điểm o, Khoản 1 Điều 15 Quy định này.

2. Thẩm định khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo về hồ sơ quá trình đào tạo hoặc chất lượng luận án.

Điều 26. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo: Các đơn vị đào tạo phối hợp với Đại học Huế chuẩn bị các hồ sơ thẩm định gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hồ sơ gồm:

a) Hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh có đầy đủ minh chứng về điều kiện dự tuyển tại Điều 8 của Quy định này;

b) Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế của nghiên cứu sinh quy định tại Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 20 và Điểm e, h, i, k Khoản 1

Điều 19;

c) Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh quy định tại Khoản 2 Điều 30 của Quy định này;

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2. Hồ sơ thẩm định chất lượng luận án

a) Luận án tiến sĩ đã xóa thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đơn vị đào tạo;

b) Tóm tắt luận án đã xóa thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đơn vị đào tạo;

c) Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh theo quy định;

d) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

Điều 27. Quy trình thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Đại học Huế quy định tại Điểm c, Khoản 11 Điều 16 của Quy định này, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần thẩm định của Đại học Huế với những yêu cầu thẩm định cụ thể (quá trình đào tạo hoặc chất lượng luận án).

2. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ của Đại học Huế theo quy định tại Điều 26 của Quy định này, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tiến hành thẩm định và có văn bản thông báo kết quả thẩm định.

3. Quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi hồ sơ thẩm định đảm bảo các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án của Quy định này.

4. Chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến của 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có kinh nghiệm chuyên môn, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

a) Luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu tối thiểu 02 trong 03 ý kiến thẩm định luận án tán thành;

b) Trong trường hợp luận án không đạt yêu cầu thẩm định quy định tại Điểm a Khoản này hoặc có đơn thư tố cáo về chất lượng luận án thì Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án, ủy quyền Giám đốc Đại học Huế tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 28. Hội đồng thẩm định luận án

1. Hội đồng thẩm định luận án gồm 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 04 thành viên chưa tham gia đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn, chưa là phản biện độc lập hoặc chưa là thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế; có các nhà khoa học tham gia thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại Khoản 4 Điều 27 Quy định này.

2. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế quy định tại Khoản 2 Điều 21 Quy định này.

3. Hội đồng thẩm định luận án có chủ tịch, thư ký và các ủy viên.

4. Hội đồng chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án (nếu có).

5. Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định: xem xét, đánh giá và quyết nghị về chất

lượng luận án hoặc làm rõ những nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo.

6. Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt trở lên không tán thành.

7. Trong trường hợp luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua, Giám đốc Đại học Huế tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 12 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về chất lượng luận án.

Điều 29. Xử lý kết quả thẩm định

1. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định theo quy định tại Điểm a, Khoản 4 Điều 27 Quy định này hoặc được Hội đồng thẩm định thông qua nhưng yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung, Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế cùng với người hướng dẫn và nghiên cứu sinh xem xét, quyết định các điểm cần sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của người thẩm định hoặc Hội đồng thẩm định.

2. Đối với luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua:

a) Trong trường hợp nghiên cứu sinh chưa được cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh được phép sửa đổi, bổ sung và đề nghị đánh giá lại luận án theo quy định tại Điều 24 của Quy định này;

b) Trong trường hợp nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ thì Đại học Huế xử lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 33 Quy định này.

3. Đối với hồ sơ quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu thẩm định, căn cứ thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Đại học Huế bổ sung hoàn thiện hồ sơ và giải trình.

4. Trong thời gian tối đa 02 tháng (60 ngày) kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định, Giám đốc Đại học Huế có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại các Khoản 1, 2, 3 Điều này với các minh chứng kèm theo.

Điều 30. Cấp bằng tiến sĩ

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ:

a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế thông qua đủ 03 tháng (90 ngày);

b) Nghiên cứu sinh đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung luận án theo quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Đại học Huế và được người hướng dẫn, đơn vị quản lý đào tạo, chủ tịch Hội đồng xác nhận (nếu có);

c) Nếu là trường hợp cần thẩm định theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Khoản 1 Điều 27 thì kết quả thẩm định phải đạt yêu cầu theo quy định tại Khoản 3 và Điểm a, Khoản 4 Điều 27 và Khoản 1 Điều 29 của Quy định này; hoặc chưa nhận được kết quả thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo khi đã hết thời hạn thẩm định quy định tại Khoản 2 Điều 27 của Quy định này;

d) Đã đăng trên trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo, Đại học Huế và nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản in và file pdf) toàn văn luận án và tóm tắt luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Thủ trưởng đơn vị đào tạo sau khi đã bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội

đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế và Hội đồng thẩm định (nếu có).

2. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh gồm:

- a) Biên bản của buổi đánh giá luận án ở cấp Đại học Huế;
- b) Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế;
- c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế có mặt tại buổi đánh giá;
- d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn hoặc tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh;
- đ) Danh sách có chữ ký của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế có mặt tại buổi đánh giá luận án của nghiên cứu sinh;
- e) Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam;
- g) Minh chứng công bố công khai ngày đánh giá luận án trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 23 Quy định này;
- h) Các tài liệu khác theo quy định của Đại học Huế.

3. Trường tập hợp hồ sơ gửi Đại học Huế xét cấp phôi bằng tiến sĩ để tiến hành thủ tục cấp bằng cho nghiên cứu sinh khi nghiên cứu sinh đáp ứng đầy đủ những điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này và lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

4. Thủ trưởng đơn vị đào tạo có trách nhiệm tổ chức kiểm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Huế trước khi tổ chức cuộc họp thường kỳ Hội đồng Khoa học và Đào tạo của đơn vị đào tạo để thông qua danh sách nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

Chương VII

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 31. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và nghiên cứu sinh có quyền khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo.

Điều 32. Thanh tra, kiểm tra

1. Đại học Huế thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của các đơn vị đào tạo theo quy định hiện hành.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm công tác tuyển sinh; công tác tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá và bảo vệ luận án; cấp bằng tiến sĩ và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được Đại học Huế thông báo bằng văn bản cho đơn vị đào tạo.

Điều 33. Xử lý vi phạm

1. Trong trường hợp phát hiện có vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ, Đại học Huế có văn bản yêu cầu đơn vị đào tạo xử lý hoặc trực tiếp xử lý theo thẩm quyền.

2. Việc thu hồi bằng tiến sĩ được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp sau:

a) Gian lận trong hồ sơ dự tuyển khiến người được cấp bằng không còn đảm bảo điều kiện dự tuyển và điều kiện công nhận nghiên cứu sinh;

b) Sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án mà nếu cắt bỏ những phần sao chép, trích dẫn đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 17 của Quy định này;

c) Luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại Khoản 7 Điều 28 Quy định này.

3. Trong trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện có những vi phạm khác thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Việc xác định luận án vi phạm tại Điểm b, Khoản 2 Điều này thuộc thẩm quyền của Hội đồng thẩm định do Giám đốc Đại học Huế thành lập theo quy định tại Điều 28 của Quy định này.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 34. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các khóa tuyển sinh đã có quyết định công nhận nghiên cứu sinh trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành, đơn vị đào tạo thực hiện theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 và được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 253/QĐ-ĐHH ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Giám đốc Đại học Huế;

2. Đối với các khóa tuyển sinh kể từ thời điểm Quy định Thông tư này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2018, quy định về tiêu chuẩn người hướng dẫn nghiên cứu sinh tại Điểm d, Khoản 1 Điều 13 và quy định về điều kiện nghiên cứu sinh được đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn tại Điểm b, Khoản 1 Điều 18 của Quy định này được thực hiện như sau:

a) Người hướng dẫn những đề tài thuộc Nhóm ngành I (quy định tại Phụ lục VII) là tác giả chính của tối thiểu 01 bài báo bằng tiếng nước ngoài đăng trên các tạp chí thuộc danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước hoặc trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

b) Người hướng dẫn những đề tài thuộc Nhóm ngành II (quy định tại Phụ lục VII) là tác giả chính tối thiểu 01 báo cáo bằng tiếng nước ngoài đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành hoặc 01 bài báo đăng trong tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

c) Nghiên cứu sinh thực hiện những đề tài thuộc Nhóm ngành I (quy định tại Phụ lục VII) phải công bố nội dung và kết quả nghiên cứu của luận án trong tối thiểu 02 bài báo hoặc báo cáo, trong đó có 01 bài báo bằng tiếng nước ngoài trên các tạp chí thuộc danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước hoặc trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài;

d) Nghiên cứu sinh thực hiện những đề tài thuộc Nhóm ngành II (quy định tại Phụ

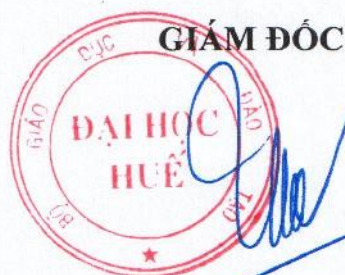
lục VII) phải công bố nội dung và kết quả nghiên cứu của luận án trong tối thiểu 02 bài báo hoặc báo cáo, trong đó có 01 báo cáo bằng tiếng nước ngoài đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện.

3. Đối với các khóa tuyển sinh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 trở đi, người hướng dẫn nghiên cứu sinh phải thực hiện quy định tại Điểm d, Khoản 1 Điều 13 và nghiên cứu sinh phải thực hiện quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều 18 của Quy định này.

Điều 35. Thực hiện, bổ sung, sửa đổi Quy định

Căn cứ Quy định này, Thủ trưởng đơn vị đào tạo ban hành hướng dẫn chi tiết việc thực hiện trong nội bộ đơn vị.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc chưa phù hợp, Thủ trưởng đơn vị đào tạo phối hợp với Trưởng Ban Đào tạo trình Giám đốc xem xét sửa đổi, bổ sung. /.



Nguyễn Quang Linh

PHỤ LỤC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1019/QĐ-ĐHH ngày 19 tháng 9 năm 2017 của
Giám đốc Đại học Huế)*

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1019/QĐ-ĐHH ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Giám đốc Đại học Huế)

ĐẠI HỌC HUẾ
TÊN ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm... ..

ĐỀ ÁN

Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Thông tin chung về cơ sở đào tạo

1. Tên trường, địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo
2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo cho đến thời điểm xây dựng đề án (số lượng ngành/chuyên ngành đào tạo, quy mô sinh viên, các kết quả nghiên cứu....)
3. Những thông tin cần thiết khác

2. Các nội dung cụ thể của đề án

1. Đối tượng tuyển sinh
2. Phương thức tuyển sinh
3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành hoặc chuyên ngành
4. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo: các hướng nghiên cứu, các đề tài nghiên cứu đang triển khai, các điều kiện hỗ trợ nghiên cứu...
5. Tổ chức tuyển sinh: thời gian và số lần tuyển sinh/năm
6. Chính sách ưu tiên: ưu tiên đối với các đối tượng theo quy định
7. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính
8. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu
2. Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh theo các ngành hoặc chuyên ngành
3. Các dự án nghiên cứu hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước
4. Kiểm định chất lượng
5. Các điều kiện đảm bảo chất lượng khác

4. Những thông tin cần thiết khác

Thủ trưởng đơn vị đào tạo
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC II
BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI
(Kèm theo Quyết định số 1019/QĐ-ĐHH ngày 19 tháng 9 năm 2017 của
Giám đốc Đại học Huế)

| STT | Chứng chỉ | Trình độ |
|------------|--|---|
| 1 | TOEFL iBT | 45 - 93 |
| 2 | IELTS | 5 - 6.5 |
| 3 | Cambridge examination | CAE 45-59 PET Pass with Distinction |
| 4 | CIEP/Alliance française diplomas | TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue |
| 5 | Goethe -Institut | Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB) |
| 6 | TestDaF | TDN3- TDN4 |
| 7 | Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK) | HSK level 4 |
| 8 | Japanese Language Proficiency Test (JLPT) | N2 |
| 9 | ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному | ТРКИ-2 |

PHỤ LỤC III
MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ TUYỂN SINH
*(Kèm theo Quyết định số 1019/QĐ-ĐHH ngày 19 tháng 9 năm 2017 của
Giám đốc Đại học Huế)*

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC HUẾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-ĐHH

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm.....

BÁO CÁO
Tuyển sinh Nghiên cứu sinh năm

Nội dung:

1. Tổng hợp đăng kí dự tuyển
2. Công tác tổ chức tuyển sinh
3. Đánh giá chung về công tác tuyển sinh và những đề xuất, kiến nghị (nếu có)

Kèm theo:

Các quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

PHỤ LỤC IV
MẪU BÁO CÁO
CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH HÀNG NĂM
(Kèm theo Quyết định số 1019/QĐ-ĐHH ngày 19 tháng 9 năm 2017 của
Giám đốc Đại học Huế)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC HUẾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-ĐHH Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm.....

BÁO CÁO
Công tác đào tạo Nghiên cứu sinh năm

I. Số lượng nghiên cứu sinh đang học tập và nghiên cứu tại Đại học Huế

| Khóa đào tạo (năm bắt đầu đào tạo) | Số, ngày quyết định công nhận NCS | Số lượng nghiên cứu sinh hiện đang học tập tại cơ sở | | | | Số sẽ tốt nghiệp năm sau | | | |
|--|--|---|--------------------|--------------------|------------|--------------------------|--------------------|--------------------|------------|
| | | Tổng | Loại ... năm | Loại ... năm | Ghi chú | Tổng | Loại ... năm | Loại ... năm | Ghi chú |
| | | | | | | | | | |

II. Kế hoạch chỉ tiêu tuyển mới năm tiếp theo

(Báo cáo và lập biểu theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh)

III. Các hướng nghiên cứu và dự kiến người hướng dẫn cho kế hoạch tuyển mới

| STT | Ngành/chuyên ngành đào tạo | Các hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận NCS | Họ tên, học vị, chức danh khoa học của người hướng dẫn dự kiến | Số lượng NCS có thể nhận |
|-----|-------------------------------|--|---|--------------------------------------|
| 1 | | | | |

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

PHỤ LỤC V
MẪU BÁO CÁO
DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH BẢO VỆ THÀNH CÔNG LUẬN ÁN
CÁC THÁNG TRONG NĂM
(Kèm theo Quyết định số 1019/QĐ-ĐHH ngày 19 tháng 9 năm 2017 của
Giám đốc Đại học Huế)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC HUẾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-ĐHH Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm....

BÁO CÁO
Danh sách Nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ
(Tháng năm)

| STT | Họ và tên NCS | Quyết định công nhận NCS | Tên đề tài | Ngành, mã số | Ngày bảo vệ cấp trường, viện | Kết quả bảo vệ | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------------------|------------|--------------|------------------------------|----------------|---------|
| 1 | | | | | | | |

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

PHỤ LỤC VI
HÌNH THỨC VÀ CẤU TRÚC LUẬN ÁN TIẾN SĨ
(Kèm theo Quyết định số 1019/QĐ-ĐHH ngày 19 tháng 9 năm 2017 của
Giám đốc Đại học Huế)

1. Luận án được viết bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng nước ngoài sử dụng kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 13-14, mã UNICODE.
2. Có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án.
3. Cấu trúc của luận án gồm:
 - a) Lý do lựa chọn đề tài, câu hỏi nghiên cứu, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa khoa học hoặc thực tiễn của đề tài;
 - b) Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;
 - c) Cơ sở lý thuyết, lý luận, cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu;
 - d) Kết quả nghiên cứu và phân tích đánh giá;
 - đ) Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;
 - e) Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án theo quy định của cơ sở đào tạo;
 - g) Danh mục các bài báo/công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh kèm theo văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có);
 - h) Phụ lục (nếu có).

PHỤ LỤC VII

BẢNG DANH MỤC CÁC NHÓM NGÀNH GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
(Kèm theo Quyết định số 1019/QĐ-ĐHH ngày 19 tháng 9 năm 2017 của
Giám đốc Đại học Huế)

| Nhóm ngành | Mã danh mục cấp II | Mã danh mục cấp III | TÊN GỌI | | |
|------------|--------------------|---------------------|--|--|------------------------------------|
| I | 14 | | <i>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</i> | | |
| | | 1401 | Khoa học giáo dục | | |
| | | 1402 | Đào tạo giáo viên | | |
| | | 1490 | Khác | | |
| | 21 | | | <i>Nghệ thuật</i> | |
| | | 2101 | Mỹ thuật | | |
| | | 2102 | Nghệ thuật trình diễn | | |
| | | 2103 | Nghệ thuật nghe nhìn | | |
| | | 2104 | Mỹ thuật ứng dụng | | |
| | | 2190 | Khác | | |
| | | 22 | | | <i>Nhân văn</i> |
| | | | 2201 | Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam | |
| | | | 2202 | Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài | |
| | 2290 | | Khác | | |
| | 31 | | | <i>Khoa học xã hội và hành vi</i> | |
| | | 3101 | Kinh tế học | | |
| | | 3102 | Khoa học chính trị | | |
| | | 3103 | Xã hội học và Nhân học | | |
| | | 3104 | Tâm lý học | | |
| | | 3105 | Địa lý học | | |
| | | 3106 | Khu vực học | | |
| | | 3190 | Khác | | |
| | | 32 | | | <i>Báo chí và thông tin</i> |
| | | | 3201 | Báo chí và truyền thông | |
| | 3202 | | Thông tin - Thư viện | | |
| | 3203 | | Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng | | |

| Nhóm ngành | Mã danh mục cấp II | Mã danh mục cấp III | TÊN GỌI |
|------------|--------------------|---------------------|---|
| | | 3204 | Xuất bản - Phát hành |
| | | 3290 | Khác |
| | 34 | | <i>Kinh doanh và quản lý</i> |
| | | 3401 | Kinh doanh |
| | | 3402 | Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm |
| | | 3403 | Kế toán - Kiểm toán |
| | | 3404 | Quản trị - Quản lý |
| | | 3490 | Khác |
| | 38 | | <i>Pháp luật</i> |
| | | 3801 | Luật |
| | | 3802 | Dịch vụ pháp lý |
| | | 3890 | Khác |
| | | 5109 | Công nghệ kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa |
| | | 5110 | Công nghệ kỹ thuật mỏ |
| | | 5190 | Khác |
| | 76 | | <i>Dịch vụ xã hội</i> |
| | | 7601 | Công tác xã hội |
| | | 7602 | Dịch vụ xã hội |
| | | 7690 | Khác |
| | 81 | | <i>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</i> |
| | | 8101 | Du lịch |
| | | 8102 | Khách sạn, nhà hàng |
| | | 8103 | Thẻ dục, thể thao |
| | | 8104 | Dịch vụ thẩm mỹ |
| | | 8105 | Kinh tế gia đình |
| | | 8190 | Khác |
| | 84 | | <i>Dịch vụ vận tải</i> |
| | | 8401 | Khai thác vận tải |
| | | 8402 | Dịch vụ bưu chính |
| | | 8490 | Khác |
| | | | <i>Các chuyên ngành của khoa học xã hội và nhân văn thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng</i> |

| Nhóm ngành | Mã danh mục cấp II | Mã danh mục cấp III | TÊN GỌI | |
|-------------------|---------------------------|----------------------------|--|---|
| II | 42 | | <i>Khoa học sự sống</i> | |
| | | 4201 | Sinh học | |
| | | 4202 | Sinh học ứng dụng | |
| | | 4290 | Khác | |
| | 44 | | | <i>Khoa học tự nhiên</i> |
| | | 4401 | Khoa học vật chất | |
| | | 4402 | Khoa học trái đất | |
| | | 4403 | Khoa học môi trường | |
| | | 4490 | Khác | |
| | 46 | | | <i>Toán và thống kê</i> |
| | | 4601 | Toán học | |
| | | 4602 | Thống kê | |
| | | 4690 | Khác | |
| | 48 | | | <i>Máy tính và công nghệ thông tin</i> |
| | | 4801 | Máy tính | |
| | | 4802 | Công nghệ thông tin | |
| | | 4890 | Khác | |
| | 51 | | | <i>Công nghệ kỹ thuật</i> |
| | | 5101 | Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng | |
| | | 5102 | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | |
| | | 5103 | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông | |
| | | 5104 | Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường | |
| | | 5105 | Công nghệ sản xuất | |
| | | 5106 | Quản lý công nghiệp | |
| | | 5107 | Công nghệ dầu khí và khai thác | |
| | | 5108 | Công nghệ kỹ thuật in | |
| | | 5109 | Công nghệ kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa | |
| | | 5110 | Công nghệ kỹ thuật mỏ | |
| | | 5190 | Khác | |
| | | 52 | | |
| | 5201 | | Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật | |
| | 5202 | | Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông | |

| Nhóm ngành | Mã danh mục cấp II | Mã danh mục cấp III | TÊN GỌI |
|-------------------|---------------------------|----------------------------|---|
| | | 5203 | Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường |
| | | 5204 | Vật lý kỹ thuật |
| | | 5205 | Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa |
| | | 5206 | Kỹ thuật mỏ |
| | | 5290 | Khác |
| 54 | | | <i>Sản xuất và chế biến</i> |
| | | 5401 | Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống |
| | | 5402 | Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da |
| | | 5403 | Khai thác mỏ |
| | | 5490 | Khác |
| 58 | | | <i>Kiến trúc và xây dựng</i> |
| | | 5801 | Kiến trúc và quy hoạch |
| | | 5802 | Xây dựng |
| | | 5803 | Quản lý xây dựng |
| | | 5890 | Khác |
| 62 | | | <i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i> |
| | | 6201 | Nông nghiệp |
| | | 6202 | Lâm nghiệp |
| | | 6203 | Thủy sản |
| | | 6290 | Khác |
| 64 | | | <i>Thú y</i> |
| | | 6401 | Thú y |
| | | 6402 | Dịch vụ thú y |
| | | 6490 | Khác |
| 72 | | | <i>Sức khỏe</i> |
| | | 7201 | Y học |
| | | 7202 | Dược học |
| | | 7203 | Điều dưỡng - Hộ sinh |
| | | 7204 | Dinh dưỡng |
| | | 7205 | Răng - Hàm - Mặt (Nha khoa) |
| | | 7206 | Kỹ thuật y học |
| | | 7207 | Y tế công cộng |

| Nhóm ngành | Mã danh mục cấp II | Mã danh mục cấp III | TÊN GỌI |
|-------------------|---------------------------|----------------------------|---|
| | | 7208 | Quản lý y tế |
| | | 7290 | Khác |
| | | | <i>Các chuyên ngành của khoa học tự nhiên, công nghệ và kỹ thuật thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng</i> |

PHỤ LỤC VIII

HƯỚNG DẪN LẬP ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU LUẬN ÁN TIẾN SĨ (Kèm theo Quyết định số 1019/QĐ-ĐHH ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Giám đốc Đại học Huế)

Để thực hiện đúng quy chế đào tạo và bồi dưỡng sau đại học hiện hành, đồng thời tạo được sự thống nhất về nội dung và hình thức trình bày văn bản khoa học này, Ban Đào tạo hướng dẫn cụ thể hơn về nội dung và cách trình bày đề cương Nghiên cứu sinh như sau:

A. Nội dung đề cương nghiên cứu luận án Tiến sĩ:

Nội dung tổng quát của một đề cương Nghiên cứu sinh đã được đề cập đầy đủ (trang 15-16) trong công văn số 8269/SĐH ngày 23/9/1997 của Vụ trưởng Vụ Sau Đại Học. Nay Ban Đào tạo hướng dẫn cụ thể hơn các nội dung và sắp xếp các nội dung của đề cương nghiên cứu để các NCS thực hiện thống nhất trong Đại Học Huế. Dưới đây là hướng dẫn xây dựng các nội dung và sắp xếp các nội dung theo từng chương, mục, tiểu mục của đề cương nghiên cứu luận án Tiến sĩ:

Mở đầu: Trong phần mở đầu (không nên gọi là chương) phải đề cập và lý giải được tính cấp thiết, ý nghĩa khoa học (lý thuyết) và thực tiễn của đề tài NCS đã chọn để thực hiện.

Chương I. Tổng quan về các kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước của vấn đề (lĩnh vực) khoa học liên quan đề tài nghiên cứu.

1. Thực trạng nghiên cứu của vấn đề (lĩnh vực) khoa học ở trong nước từ trước đến nay.
2. Kết quả nghiên cứu của vấn đề (lĩnh vực) khoa học ở nước ngoài đã có cho đến nay.

Khi trình bày cần nêu được các thành tựu, kết quả nghiên cứu lý thuyết, thực nghiệm và ứng dụng thực tiễn cũng như phân tích những tồn tại, sai lầm (nếu có) của các công trình thuộc vấn đề (lĩnh vực) khoa học liên quan đề tài nghiên cứu luận án Tiến sĩ.

Chương II. Mục tiêu, đối tượng, nội dung và phạm vi nghiên cứu:

Đây là chương ghép nên mỗi một vấn đề cần được tách thành mục tương ứng.

1. Mục tiêu nghiên cứu đề tài luận án: Mục tiêu nghiên cứu phải bao gồm mục tiêu về lý thuyết, thực nghiệm và ứng dụng thực tiễn.
2. Đối tượng nghiên cứu: Nêu lên và lý giải chọn đối tượng và số lượng hay qui mô đối tượng nghiên cứu (bệnh nhân, cây trồng, vật nuôi, lãnh thổ, lĩnh vực khoa học-công nghệ...)
3. Nội dung và phạm vi nghiên cứu: Ở đây phải trình bày rõ các nội dung nghiên cứu chủ yếu và phạm vi đi sâu trên cơ sở xét tới yêu cầu đáp ứng mục tiêu của luận án và tính chất khả thi trong thực hiện.

Chương III. Phương pháp nghiên cứu đề tài luận án:

Trong chương này NCS phải nêu ra được hệ thống các phương pháp nghiên cứu đề tài theo các nội dung nghiên cứu đã xác định ở chương II. Mỗi một phương pháp (đôi khi tổ hợp một vài phương pháp) được trình bày trong một tiểu mục tương ứng. Khi luận cứ việc vận dụng một phương pháp nghiên cứu chú ý nói rõ khả năng của phương pháp đó giải quyết được nhiệm vụ chủ yếu nào, mức độ chính xác và hiện đại so với các phương

pháp, thiết bị khác cũng như khả năng tiếp cận, sử dụng trang thiết bị khi triển khai nghiên cứu theo phương pháp ấy.

Chương IV. Nơi nghiên cứu đề tài, dự kiến kế hoạch và kinh phí, trang thiết bị chủ yếu phục vụ nghiên cứu đề tài:

1. Nơi thực hiện đề tài: Ngoài các trường trong Đại Học Huế, NCS cần nói rõ Trường, Viện nghiên cứu nào dự kiến chọn để triển khai thực nghiệm (nếu có).

2. Kế hoạch dự kiến triển khai nghiên cứu đề tài: Các nội dung học tập, nghiên cứu cũng như Hội thảo khoa học, thi, công bố kết quả nghiên cứu... cần phải kế hoạch hóa theo quý, nửa năm, năm (có thể theo tháng) để NCS và giáo viên hướng dẫn khoa học bám sát thực hiện, đồng thời cơ quan quản lý đào tạo dễ dàng đánh giá tiến độ, chất lượng học tập và nghiên cứu của NCS.

3. Dự kiến nhu cầu kinh phí, trang thiết bị kỹ thuật, mẫu vật, hóa chất phục vụ nghiên cứu đề tài:

Để triển khai nghiên cứu đề tài NCS phải dự trù kinh phí, trang thiết bị kỹ thuật chủ yếu, mẫu vật, hóa chất... đồng thời lên kế hoạch về sử dụng kinh phí, trang thiết bị, mẫu vật... đó để cơ quan quản lý đào tạo có cơ sở đánh giá kỹ hơn về tính chất khả thi của đề tài nghiên cứu với nội dung và phương pháp nghiên cứu đã chọn, nhất là xem xét việc hỗ trợ kinh phí và các điều kiện nghiên cứu khác cho NCS.

Tài liệu tham khảo chủ yếu:

Tài liệu tham khảo bao gồm sách, tạp chí, các ấn phẩm khoa học chính thức (đã công bố hoặc lưu trữ) khác mà NCS đã đọc, sử dụng ý tưởng khoa học hoặc kết quả thực nghiệm và phải được chỉ rõ việc sử dụng các tài liệu đó trong bản thuyết minh đề cương nghiên cứu luận án.

B. Trình bày đề cương nghiên cứu luận án Tiến sĩ.

Toàn bộ bản thuyết minh đề cương nghiên cứu đề tài, tùy thuộc tính chất và lĩnh vực khoa học, sẽ được trình bày theo các phần, chương, kể cả biểu bảng, đồ thị, phụ lục và tài liệu tham khảo với khối lượng khoảng từ 25 đến 35 trang đánh máy vi tính trên khổ giấy A4 (nên trình bày trên một mặt giấy). Nội dung của đề cương nghiên cứu phải được trình bày ngắn gọn, khúc chiết, sạch sẽ, có đánh số trang và đánh số biểu bảng, đồ thị và phụ lục (nếu có).

Một đề cương nghiên cứu luận án Tiến sĩ hoàn chỉnh cần được trình bày theo trình tự sau đây:

- Bìa đề cương nghiên cứu luận án Tiến sĩ trình bày theo mẫu.

+ Bìa ngoài (nên làm bằng giấy cứng) xem mẫu (A)

+ Bìa trong (trang phụ bìa) xem mẫu (B)

(A)

| |
|--|
| ĐẠI HỌC HUẾ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC |
| ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU LUẬN ÁN TIẾN SĨ Y HỌC |
| Tên đề tài nghiên cứu: |
| Người thực hiện: |
| |
| Huế 2017 |

(B)

| |
|--|
| ĐẠI HỌC HUẾ TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM |
| ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU LUẬN ÁN TIẾN SĨ NÔNG NGHIỆP |
| Chuyên ngành: Kỹ thuật trồng trọt Mã số: 4.01.08 |
| Tên đề tài nghiên cứu: |
| Người thực hiện |
| |
| Huế 2017 |

- Bảng các ký hiệu, bảng chữ viết tắt. Bảng chữ viết tắt cần trình bày bằng chữ cái có kèm theo chữ viết giải nghĩa đầy đủ. Không lạm dụng chữ viết tắt, nhất là những cụm từ dài hoặc ít xuất hiện trong đề cương nghiên cứu.

- Mục lục: Trong trang (có thể vài trang) mục lục chỉ ghi các phần, chương. Đối với mỗi chương chỉ cần ghi đến mục là đủ.

- Mở đầu: Nội dung trình bày trong phần mở đầu đã đề cập ở trên, trong đó cần tránh "lấn sân" sang mục tiêu, nội dung nghiên cứu của đề tài.

- Các chương: Số thứ tự các chương, mục, tiểu mục phải đánh số bằng hệ thống số Ả rập. Mục, tiểu mục (đôi khi cần đến tiểu mục phụ) được đánh số bằng nhóm hai, ba hoặc bốn (đối với tiểu mục phụ) chữ số tương ứng và cách nhau một dấu chấm. Ví dụ:

Chương 2

Mục 2.1

Tiểu mục 2.1.2

Tiểu mục phụ 2.1.2.3

- Danh mục tài liệu tham khảo chủ yếu: Tài liệu tham khảo phải xếp riêng và trình bày theo trình tự khối tiếng cũng như giữ nguyên văn tiếng đó (Việt, Nga, Anh, Pháp, Đức, Trung...). Tài liệu tham khảo trong cùng khối tiếng phải được ghi theo thứ tự A,B,C... của họ tác giả (kể cả ấn phẩm khoa học đã dịch ra tiếng Việt và xếp trong khối tiếng Việt) hoặc theo tên tác giả đối với người Việt Nam hoặc là từ đầu của tên tài liệu tham khảo không có tác giả cụ thể đứng tên.

Mỗi ấn phẩm khoa học đưa vào tài liệu tham khảo phải ghi đầy đủ các thông tin bắt buộc theo trình tự sau: số thứ tự; họ và tên tác giả; tên tài liệu; nguồn tài liệu (tên tạp chí, tập, số, năm xuất bản hoặc tên nhà xuất bản, nơi xuất bản); trang (trang 5-8). Ví dụ:

2. Trần Bình - Một vài ý kiến đánh giá về từ ghép song tiết tiếng Việt. *Ngôn ngữ* 2/1983. tr 25-28.

4. Grisanhin K.V. *Động lực học sông ngòi*. NXB ĐHTH-CN. 1981. tr 200-207.

- **Phụ lục** (nếu có).